

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 17/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Hề
2. Bà Đặng Thị Huệ Tú
3. Bà Nguyễn Thị Như Phương

- Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 859/2023/HSST ngày 27/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6201/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Xuân H; Tên gọi khác: Phạm Xuân D; Sinh ngày 20/9/1951, tại tỉnh TG; Nơi đăng ký HKTT: 84A LCH, Phường L, Quận H, TP. Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH Quyết Thắng; Con ông: Con ông: Phạm Minh Đ (đã chết) và bà: Trần Thị Đ (đã chết); Có chồng: Đỗ Kim H sinh năm 1940, trú tại 5A/9 HL, Phường B, TP. MT, tỉnh TG (đã li hôn tháng 5/1993) và 01 người con, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/4/2021 – Có mặt

Người bào chữa:

1. Bà Trần Thị Ngân Q, là Luật sư Công ty Luật TNHH Lê Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H - Có mặt.

Bị hại:

1. Chi nhánh Công ty Lương thực Trung ương 3 (Chi nhánh VINAFOOD III) tại Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: D6B-10 Lô D6, Khu đấu giá 18.6ha, Phường XL, Quận TH, Thành phố Hà Nội, Việt Nam – Vắng mặt
2. Chi cục I Cục dự trữ Quốc gia (Cục Dự trữ Quốc gia); Địa chỉ: 254 LQD, Phường G, quận BT, Tp.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

3. Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư ngũ cốc (Grainco); Địa chỉ: 16/2 BVC, Phường TK, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
4. Công ty thương mại Hòa Bình tỉnh VL; Địa chỉ: 172/2 PH, Phường R, tỉnh VL – Vắng mặt
5. Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn (Công ty Sài Gòn); Địa chỉ: 548/19 ĐBP, Phường X, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
6. Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank); Địa chỉ: 89 LH, Quận ĐĐ, Hà Nội – Vắng mặt
7. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Saccombank); Địa chỉ: 266 - 268 NKKN, Phường VTS, Quận S, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
8. Công ty Tài chính cổ phần Seaprodex; Địa chỉ: 87 Đại lộ HN - quận B, TP Hồ Chí Minh – Vắng mặt
9. Công ty TNHH TM Đông Xuân; Địa chỉ: Tầng 8, 100 NTMK, Phường VTS, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
- U8I10. Công ty XNK Đất Việt; Địa chỉ: Số 164 KDT, P. NC, quận TX, TP. Hà Nội – Vắng mặt
11. Công ty Vật tư Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
12. Công ty TNHH Nguyễn Phước Dũng tỉnh ĐT – Vắng mặt
13. Công ty Recoffsa Pháp – Vắng mặt
14. Xí nghiệp nuôi dịch vụ nuôi trồng thủy sản Thành phố – Vắng mặt
15. Công ty Đầu tư và Phát triển kinh tế tỉnh ST – Vắng mặt
16. Công ty TNHH Liên Hiệp; Địa chỉ: Kho xưởng số 5, Lô II-1, Cụm 6, Nhóm CN II, Đường số N, Khu Công nghiệp TB, Phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
17. Ông Phạm Văn Đ; Địa chỉ: 300/2 BND, Quận Z, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
18. Ông Phạm Văn L; Địa chỉ: số 65/31 NO, Phường C, GV, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
19. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: số 30/7A, ấp TA, xã TQT, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT – Vắng mặt
20. Bà Võ Bích H; Địa chỉ: số 14/40B KĐ, Phường R, Quận S, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
21. Bà Nguyễn Ngọc Đ; Địa chỉ: số 53C Cư xá LTK, Phường M, Quận T, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
22. Đoàn Văn K và Trần Thị N; Địa chỉ: số 220/7 TXS, , xã TQT, huyện NB, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt
23. Bà Lê Thị S; Địa chỉ: 47/21 CĐ, phường P, thị xã TA, tỉnh LA – Vắng mặt
24. Bà Lương Thị T; Địa chỉ: số 47/2131/4D đường TP, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT – Vắng mặt
25. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Bé C bà Phạm Thị Kim C; Địa chỉ: số 79 PT, Phường O, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt
26. Bà Phạm Thị N; Địa chỉ: số 232 NH, Phường P, TP. CL, tỉnh ĐT – Vắng mặt
27. Bà Nguyễn H, sinh năm: 1957; Địa chỉ: 159 THĐB, Phường L, Quận U, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt

28. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (SaigonBank-SGB); Địa chỉ: 2C PĐC, phường NTB, Quận B, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

29. Công ty TNHH Ngọc Ánh; Địa chỉ: Ấp TTA, Thị trấn TL, Huyện TL, Thành phố CT – Vắng mặt

30. Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) – Vắng mặt

31. Công ty Bách hóa điện máy Thành phố; Địa chỉ: 870-872 THĐB, Phường M, Quận U, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

32. Công ty TNHH Tân Liên Phát; Địa chỉ: Xã NB, Huyện TT, Tỉnh LA – Vắng mặt.

33. Công ty TNHH Hoàng Lê; Địa chỉ: Khu 11, Phường BH, Thành phố HD, Tỉnh HD – Vắng mặt.

34. Công ty vật tư Nông nghiệp ĐN– Vắng mặt.

35. Công ty dịch vụ kỹ thuật cây trồng TN – Vắng mặt.

36. Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp 2 – Vắng mặt.

37. Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh SB – Vắng mặt.

38. Công ty lương thực CT – Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Ngọc V, sinh năm: 1958; Địa chỉ: 385/27 NĐC, phường H, Quận S, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

2. Ông Lê Trí T; Địa chỉ: 84A LCH, Phường L, Quận H, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1940; Địa chỉ: 118/7 BĐ, phường M, quận BT, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1947; Địa chỉ: 132 BVĐ, phường C, quận D, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

5. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1956; Địa chỉ: 172/2 PH, Phường R, thị xã VLK, tỉnh VL – Vắng mặt

6. Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp TBN, xã LB, huyện CG, tỉnh TG– Vắng mặt.

7. Công ty XNK Tổng hợp 2 (Generalimex); Địa chỉ: 212/1 NTR, Phường NCT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

8. Công ty kho vận Miền Nam; Địa chỉ: 01B HD, Phường A, Quận D, TP.Hồ Chí Minh – Vắng mặt

9. Tổng kho TĐ (Sotrans) – Vắng mặt

10. Công ty Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Cảng Sài Gòn – Vắng mặt

11. Ông Phạm Đức H; Sinh năm: 1950; Địa chỉ: 04 Lô B, Cư xá TĐ, Phường K, quận BT, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Kết luận điều tra số 418-25 ngày 07/11/1995, của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Cáo trạng số 101/KSĐT-KT ngày 19/7/1996, của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án sơ thẩm số

85/HSST ngày 21/01/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 908/HSPT từ ngày 03 đến 07/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ khi bỏ trốn vào ngày 26/10/1994 thì Trần Xuân H đã có hành vi chiếm đoạt tài sản tiền của 47 đơn vị kinh tế quốc doanh, Nhà nước, đơn vị kinh tế tập thể tư doanh cá thể và cá nhân với tổng trị giá 4.822.579.665USD (tính theo tỷ giá 10.870USD tương đương 52.421.440.958đ), 82.288.648.726đ và 852 lượng vàng 24K (tính theo giá mua 512.000đ/chỉ, tương đương 4.362.240.000đ). Tuy nhiên đến nay, căn cứ vào hồ sơ, tài liệu lưu trữ và kết quả điều tra xác minh, có đủ căn cứ, tài liệu chứng cứ kết luận Trần Xuân H nguyên Giám đốc Công ty TNHH Quyết Thắng có hành vi chiếm đoạt tài sản của chi nhánh Công ty Lương thực trung ương 3 (VINAFOOD III) tại Thành phố Hồ Chí Minh; Cục Dự trữ Quốc gia - Chi cục I; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương TP. Hồ Chí Minh; Công ty XNK và Đầu tư Ngũ cốc (Grainco).

Quá trình thành lập pháp nhân Công ty Quyết Thắng: Trần Xuân H, sinh năm 1951 đăng ký thường trú tại nhà số 5A/9 đường HL, Phường B, Thành phố MT (năm 1980) và tại nhà số 84A LCH, Phường L, Quận H (năm 1994), nguyên là Giám đốc XN tư doanh Quyết Thắng, tỉnh TG. Thông qua việc liên doanh liên kết với Xí nghiệp nuôi – dịch vụ nuôi trồng thủy sản Sở nông nghiệp Thành phố và em ruột, Phạm Thị Bích T ngụ tại Phường I, quận PN để thành lập Công ty TNHH Quyết Thắng (sau đây viết tắt Công ty Quyết Thắng) hoạt động kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh. Theo quy định của Sở Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Xuân H đã nộp đủ các thủ tục, tài liệu để thành lập doanh nghiệp tư nhân, nên ngày 24/11/1992, UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép thành lập Công ty TNHH số 692/GP-UB và ngày 28/11/1992 đã đăng ký kinh doanh số 048600 tại trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh với số vốn điều lệ 7.050 triệu đồng, có chức năng kinh doanh: Chế biến nông sản, lương thực và thủy sản khô; Buôn bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm.

Trần Xuân H khi điều hành Công ty Quyết Thắng thông qua việc ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế mua, bán phân bón, gạo với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và nhân dân, chỉ thực hiện một phần hoặc không thực hiện nội dung hợp đồng đã ký, nhận số lượng lớn ngoại tệ, tiền Việt Nam đồng và vàng bỏ trốn vào ngày 26/10/1994 khỏi Việt Nam sang Campuchia thông qua cửa khẩu MB, TN nhằm chiếm đoạt lượng lớn tài sản của Nhà nước, tập thể và các cá nhân. Cụ thể:

1. Trần Xuân H đại diện pháp nhân Công ty Quyết Thắng thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” quy định Điều 135 Bộ Luật hình sự 1985, nay là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 175 Bộ Luật hình sự 2015.

1.1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.856.208.268 đồng của Chi nhánh Công ty Lương thực Trung ương 3 (Chi nhánh VINAFOOD III) tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Để chuẩn bị gạo 5% tẩm xuất khẩu cho Công ty BTS Hồng Kông, Hoàng Ngọc V, Giám đốc Chi nhánh VINAFOOD III (theo ủy quyền số 109/LT3/UN ngày 02/2/1994 của Nguyễn Quang T, Giám đốc Công ty) đại diện Công ty

Lương thực Trung ương 3 (viết tắt ký với Trần Xuân H, Giám đốc Công ty Quyết Thắng hợp đồng kinh tế số 208HĐ ngày 02/02/1994, nội dung: VINAFOOD III giao cho Công ty Quyết Thắng thực hiện gia công 6.000 tấn gạo 10% tấm thành gạo 5% tấm xuất khẩu, đơn giá gia công trọn gói (gồm gia công, bao bì, đóng gói, vận chuyển ...) là 100.000đ/tấn, tổng giá trị hợp đồng là 600.000.000đ. Ngày 23/5 và 21/10/1994, VINAFOOD III lần lượt chi tiền gia công gạo cho Công ty Quyết Thắng là 300.000.000đ và 301.765.000đ. Thực hiện thỏa thuận hợp đồng gia công, Công ty Quyết Thắng bàn giao 6.017,65 tấn gạo 5% tấm, giá trị 10.831.770.000đ cho Chi nhánh VINAFOOD III theo hóa đơn số 40631 ngày 15/7/1994.

Cùng ngày 02/02/1994, Hoàng Ngọc V đại diện VINAFOOD III (bên mua) ký với Trần Xuân H, Giám đốc Công ty Quyết Thắng (bên bán), hợp đồng kinh tế số 209HĐ, nội dung: VINAFOOD III mua công ty TNHH Quyết Thắng 9.000 tấn gạo 5% tấm xuất khẩu, với đơn giá 2.250.000đ/tấn, tổng giá trị hợp đồng là 20.250.000.000đ. Thời hạn thực hiện hợp đồng số 208 và 209 là trong vòng 1 tháng phải bàn giao gạo, sau đó ký các phụ kiện hợp đồng gia hạn thời hạn giao gạo đến ngày 15/07/1994. Thực hiện thỏa thuận hợp đồng, VINAFOOD III đã chi tiền mua gạo cho Công ty Quyết Thắng do Lê Trí T đại diện nhận (theo giấy giới thiệu do Trần Xuân H ký) với tổng số tiền là 18.575.487.500đ theo 05 phiếu chi từ ngày 02/3/1994 đến ngày 21/10/1994. Sau đó, Công ty Quyết Thắng bàn giao 7.988,35 tấn gạo 5% tấm với số tiền 17.973.787.500đ cho VINAFOOD III theo hóa đơn số 40630 ngày 15/7/1994.

Do chưa thực hiện xuất khẩu, do Công ty BTS Hồng Kông hủy hợp đồng và VINAFOOD III không có kho lưu trữ nên thỏa thuận gửi lại kho Công ty Quyết Thắng toàn bộ số gạo của hai Hợp đồng nói trên, theo biên bản gửi kho ngày 16/7/1994 và Phiếu nhập kho ngày 16/7/1994, nội dung: VINAFOOD III gửi $(6.017,65 + 7.988,35) = 14.006$ tấn gạo 5% tấm, tổng giá trị là 28.805.551.948đ cho Công ty Quyết Thắng cụ thể: 12.559 tấn tại Kho 3 và 1.447 tấn tại Kho 2, thuộc Tổng kho TĐ. Sau đó, VINAFOOD III nhiều lần yêu cầu nhận lại gạo và qua kiểm tra kiểm nghiệm thực tế, Trần Xuân H chỉ giao trả được 2.500 tấn gạo 5% tấm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu giao xuống tàu và 762,35 tấn gạo 5% tấm cho VINAFOOD III trị giá: 6.779.538.226,36đ. Còn lại 10.743,65 tấn gạo 5% tấm, trị giá 22.096.013.722đ của VINAFOOD III bị Trần Xuân H chiếm đoạt bằng cách cầm cố, bán cho các đơn vị khác.

Đối với số gạo còn lại 10.743,65 tấn 5% tấm tại Kho 3 tổng kho TĐ được Trần Xuân H cấu kết với Nguyễn Ngọc T, Phó Giám đốc Công ty Kho vận Miền Nam sử dụng 8.500 tấn gạo 5% tấm thế chấp cho Ngân hàng Công thương Việt Nam TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng quản lý hàng thế chấp số 20/TSTC ngày 24/07/1994 để đảm bảo khoản vay của Công ty Quyết Thắng theo Hợp đồng tín dụng số 729/TĐ-TT ngày 26/7/1994 đã ký với Ngân hàng. Khi Trần Xuân H bỏ trốn, kiểm tra tổng kho TĐ chỉ thu được 215,162 tấn gạo 5% tấm và Ngân hàng phát mãi để trừ nợ.

Mặt khác, Hoàng Ngọc V đại diện VINAFOOD III (bên bán) còn ký với Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng (bên mua) hợp đồng kinh tế số 210/HĐ ngày 28/02/1994, nội dung: VINAFOOD III bán 10.000 tấn phân Urea Indo cho công ty Quyết Thắng, với giá 1.570.000đ/tấn, tổng giá trị hợp đồng là

15.700.000.000đ, thời hạn thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày nhận xong hàng. Thực hiện hợp đồng, VINAFOOD III đã xuất kho giao cho Công ty Quyết Thắng 10.485.728 tấn phân Urea Indo trị giá 16.462.592.960đ, theo hai hóa đơn kèm phiếu xuất kho số 047964 ngày 02/3/1994 (10.000 tấn) và số 047965 ngày 15/3/1994 (485,728 tấn). Sau khi nhận được phân bón và đến hạn thanh toán nhưng Công ty Quyết Thắng chỉ thanh toán cho VINAFOOD III được 13.702.389.414đ, còn lại 2.760.194.546đ chưa thanh toán thì Trần Xuân H bỏ trốn đi Campuchia vào ngày 26/10/1994.

Ngày 10/10/1994, VINAFOOD III ký với Công ty TM XNK SB (Becamex), hợp đồng ủy thác thu mua gạo xuất khẩu số 261/LT3/HĐ94, nội dung: VINAFOOD III ủy thác Becamex thu mua 2.000 tấn gạo 20% tấm, với giá 2.150.000đ/tấn, tổng giá trị là 4.300.000.000đ. Cùng ngày 10/10/1994, Becamex ký hợp đồng số 32/HĐCU/94 mua 2.000 tấn gạo 20% tấm của Công ty Quyết Thắng với giá 2.130.000đ/tấn, tổng giá trị 4.260.000.000đ. Ngày sau khi ký hợp đồng, ngày 10, 12/10/1994, VINAFOOD III lập 02 phiếu chi chi 2.000.000.000đ cho Becamex và Becamex chi tiếp cho 02 tỷ đồng này cho Công ty Quyết Thắng, thực tế Công ty Quyết Thắng cử nhân viên Lê Trí T nhận 02 tỷ đồng trực tiếp từ VINAFOOD III và thông báo cho Becamex biết để cử người đến chứng kiến việc giao nhận tiền 03 bên. Sau khi nhận được tiền, Trần Xuân H – Giám đốc Công ty Quyết Thắng không thực hiện giao gạo đúng thỏa thuận và đến ngày 26/10/1994 thì bỏ trốn. Như vậy thông qua việc ký kết hợp đồng mua gạo 20% tấm, Trần Xuân H đã chiếm đoạt 2.000.000.000đ của VINAFOOD III.

Như vậy, Trần Xuân H, sử dụng pháp nhân Công ty Quyết Thắng thông qua việc ký kết hợp đồng gia công, mua bán gạo số 208, 209, 261, 32 và hợp đồng mua phân bón URE Indo số 210 đã nhận được tiền và tài sản hợp pháp, của VINAFOOD III, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 26.856.208.268 đồng (22.096.013.722đ + 2.760.194.546đ + 2.000.000.000đ). Hành vi này của Trần Xuân H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa" quy định Điều 135 Bộ Luật hình sự 1985, nay là tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 175 Bộ Luật hình sự 2015.

Sau khi vụ án được xét xử, VINAFOOD III được nhận 2.858.907.000đ từ Cục Dự trữ Quốc gia - Chi cục I và nhận 2.614.223.735đ do Cục thi hành án dân sự phát mãi số tài sản thu hồi được của Trần Xuân H.

1.2 Hành vi chiếm đoạt 11.267.387.000 đồng của Chi cục I Cục Dự trữ Quốc gia (sau đây gọi là Cục Dự trữ Quốc gia):

Ngày 05/8/1994, Dương Quang M, Chi Cục phó Chi cục I Cục Dự trữ Quốc gia (bên mua) ký với Trần Xuân H, Giám đốc Công ty Quyết Thắng (bên bán) hợp đồng kinh tế số 374/CCI, nội dung: Cục Dự trữ Quốc gia mua 8.000 tấn gạo 25% tấm xuất khẩu, với giá 1.820.000đ/tấn, tổng giá trị là 14.560.000.000 đồng; Cục Dự trữ Quốc gia có nghĩa vụ ứng trước cho Công ty Quyết Thắng 70 % giá trị hợp đồng và Công ty Quyết Thắng giao gạo qua mạn tàu, trong thời hạn đến 30/9/1994. Thực hiện thỏa thuận của hợp đồng, Công ty Quyết Thắng cử nhân viên Lê Trí T đến Cục Dự trữ Quốc gia nhận số tiền 11.000.000.000 đồng tiền mặt theo 03 phiếu chi ngày 05, 06 và

11/8/1994. Từ ngày 21 đến 30/9/1994, Công ty Quyết Thắng giao gạo 25% tấm cho Cục Dự trữ Quốc, xuống tàu Haewoo NO2 và tàu Dibena Express được 2.697,15 tấn gạo, trị giá 4.908.813.000 đồng.

Ngày 11/8/1994, Cục Dự trữ Quốc gia (bên mua) tiếp tục ký với Trần Xuân H (bên bán) hợp đồng kinh tế số 380/CCI, nội dung: Cục Dự trữ Quốc gia mua 12.000 tấn gạo 5 % tấm trị giá 26.400.000.000 đồng hoặc 12.000 tấn gạo 10 % tấm trị giá 25.200.000.000 đồng; thời gian thực hiện đến 30/9/1994 và các điều khoản kiểm nghiệm giao nhận gạo, ứng tiền tương tự như hợp đồng 374 đã ký trước đó. Ngày 15/8/1994 Trần Xuân H ký văn bản thông báo đến Cục Dự trữ Quốc gia là có sẵn 14.021 tấn gạo 5% tấm đang tập kết tại Tổng kho TĐ và cam kết sẽ giao đủ 12.000 tấn gạo nếu được Cục Dự trữ Quốc gia ứng tiền ngay. Tin tưởng Trần Xuân H thực hiện thỏa thuận hợp đồng, từ ngày 13 đến 20/8/1994, Cục Dự trữ Quốc gia đã xuất chi Công ty Quyết Thắng 17.300.000.000 đồng theo 05 phiếu chi, do Lê Trí T đại diện nhận tiền.

Do Cục Dự trữ quốc gia không được cấp phép xuất khẩu gạo 5%, 10% tấm cũng như gạo 25% tấm, đồng thời Công ty Quyết Thắng không có khả năng giao đủ, nên ngày 15/9/1994, hai bên thống nhất với Công ty Quyết Thắng thu hồi lại số tiền mặt đã chi, có tính lãi xuất theo tỷ lệ 2,1% tháng nhưng thời hạn cũng chỉ đến 30/9/1994. Sau đó, từ ngày 17/9/1994 đến 20/10/1994, Công ty Quyết Thắng đã chi trả tiền mặt cho Cục Dự trữ Quốc gia là 11.960.000.000 đồng và 63 tấn phân DAP Mỹ, trị giá 163.800.000 đồng (do Công ty TNHH Ngọc Ánh tỉnh LA nhận thay Cục Dự trữ Quốc gia tại cảng kho Cảng sông I), tổng số tiền đã trả được là: 12.123.800.000đ. Số tiền gạo, Trần Xuân H còn nợ là: $(11.000.000.000 + 17.300.000.000) - (12.123.800.000 + 4.908.813.000) = 11.267.387.000$ đồng. Vì không còn tiền để chi trả lại cho Cục Dự trữ Quốc gia, nên ngày 15/10/1994 Trần Xuân H cầu kết Nguyễn Ngọc T, Giám đốc Tổng kho TĐ cam kết giao 7.000 tấn phân DAP Mỹ tại Tổng kho cho Cục dự trữ Quốc gia (thực chất Công ty Quyết Thắng đã thế chấp số phân này Saigon Bank và đồng thời còn bán cho nhiều đơn vị khác), nên ngày 25/10/1994, Công ty Quyết thắng xuất hóa đơn xuất kho, chỉ có Trần Xuân H ký tên. Cũng trong thời gian này, Cục Dự trữ Quốc gia còn thu từ Công ty Quyết Thắng một số tài sản khác bao gồm: Quyết định công nhận quyền sử dụng đất số 270/QĐ ngày 14/7/1992, 03 xe ô tô (biển số 63H-0617, 51M-0082 và 52K-8590) nhưng đều được thế chấp các đơn vị khác. Sau đó trong quá trình xử lý số phân DAP Mỹ của Công ty Quyết Thắng gửi tại Tổng kho TĐ, Chi cục I còn được Cơ quan điều tra Bộ Nội vụ tạm giao 1.918 tấn phân DAP Mỹ.

Như vậy, thông qua hai hợp đồng mua gạo nêu trên, Trần Xuân H có được tiền từ Cục Dự trữ Quốc gia đã không đúng thỏa thuận hợp đồng, ngày 26/10/1994 thì bỏ trốn nhằm chiếm đoạt được số tiền 11.267.387.000 đồng của Cục Dự trữ Quốc gia - Chi cục I. Hành vi này của Trần Xuân H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa" quy định tại Điều 135 Bộ Luật hình sự 1985 nay là tội được quy định tại Điều 175 Bộ Luật hình sự 2015.

Sau khi vụ án được xét xử, Cục Dự trữ Quốc Gia - Chi cục I được Tòa án giao nhà, đất tại 84A LCH, Phường L, Quận H và xe ô tô 52K-3590 của Trần Xuân H là để bồi hoàn số tiền bị chiếm đoạt. Ngược lại, Chi cục I phải chuyển số tiền 2.858.907.000đ cho VINAFOOD III (do giá trị tài sản nhận được vượt số tiền thiệt hại) và giao xe ô tô biển kiểm soát 63H-0617 và 51M-0082 của Công ty Quyết Thắng cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Chi nhánh Thành Công.

1.3 Hành vi chiếm đoạt 536 tấn phân DAP Korea trị giá 1.477.200.000đ của Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư ngũ cốc (Grainco).

Ngày 08/7/1994, Trần Xuân H thông qua Ngân hàng Công Thương Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh bảo lãnh tín dụng thư...(L/C) và Công ty DVKT cây trồng tỉnh TN (tên giao dịch Taptesco), đã ký hợp đồng số 0516394 để mua 6.000 tấn DAP Korea trị giá 1.434.000USD của Công ty Hyosung Corporation – Nam Triều Tiên. Trước đó vào ngày 01/7/1994, Trần Xuân H ký hợp đồng số 70/HĐ-94 với Công ty XNK Đầu tư ngũ cốc (Grainco), ủy thác Grainco tiếp nhận lưu kho 6.000 tấn DAP Korea do Công ty Quyết Thắng nhập khẩu từ Công ty Hyosung Corporation – Nam Triều Tiên. Ngày 02/7/1994, Ngân hàng Công Thương Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng ký Hợp đồng Bảo lãnh số 54/BL, trong đó có nội dung: Ngân hàng bảo lãnh thanh toán nhập khẩu 6.000 tấn phân bón với số tiền 1.434.000USD cho Công ty Quyết Thắng và Công ty cam kết thế chấp 6.000 tấn DAP Korea tại Kho Tân Quy thuộc Grainco cho Ngân hàng.

Ngày 11/7/1994, Grainco đã tiếp nhận 6.019,722 tấn DAP Korea do Công ty Hyosung giao và lưu giữ tại kho Tân Quy của Grainco. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín chấp, thế chấp nêu trên, Công ty Quyết Thắng đã được Ngân hàng Công thương Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh giải chấp 1000 tấn DAP Korea tương ứng với số tiền vay Công ty đã trả cho Ngân hàng và Grainco chỉ đạo kho Tân Quy xuất giao cho Công ty Quyết Thắng. Sau đó, Trần Xuân H không còn khả năng thanh toán cho Ngân hàng đúng cam kết, nên ngày 27/9/1994 lập thỏa thuận ba bên gồm: Ngân hàng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Quyết Thắng và Grainco cùng ký bản hợp đồng nhận nợ và thế chấp tài sản (không có số), theo đó: Ngân hàng đồng ý cho Grainco được nhận nợ và trả thay cho Công ty Quyết Thắng toàn bộ số tiền còn nợ là 1.168.141USD. Sau khi ký hợp đồng thỏa thuận thì 5.000 tấn DAP Korea còn lại thuộc sở hữu của Grainco. Thực hiện thỏa thuận hợp đồng, từ ngày 27/9/1994 đến 25/10/1994, Grainco đã thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 1.181.283USD cho Ngân hàng. Tiếp đó ngày 28/09/1994, Trần Xuân H và Grainco ký hợp đồng mua bán phân bón số 105/HĐ-94, nội dung: Grainco mua 5.000 tấn DAP Korea còn lại của Công ty Quyết Thắng, với giá 2.670.000đ/tấn, tổng giá trị: 13.350.000.000đ.

Từ ngày 23/7/1994 đến 16/8/1994, trong khi thực hiện các lệnh xuất kho của Grainco theo đề nghị của Công ty Quyết Thắng, thì Trần Xuân H lợi dụng quan hệ quen biết cá nhân với Nguyễn Thị V - Phó kho Tân Quy mượn 536 tấn DAP Korea và đã được Văn tự ý lập thủ tục xuất thêm cho Công ty Quyết Thắng được 536 Tấn DAP Korea trị giá là 1.417.000.000 đồng mà không

báo với Grainco. Nhằm hợp thức hóa việc làm sai, ngày 21/10/1994, Nguyễn Thị V cùng Trần Xuân H lập thủ tục xuất kho giao nhận 536 tấn DAP Korea trị giá 1.417.000.000 đồng. Sau khi phát hiện, Grainco đã yêu cầu Công ty Quyết Thắng hoàn trả số phân bón này và ngày 22/10/1994, Trần Xuân H có văn bản cam kết đến ngày 24/10/1994 sẽ chuyển 536 tấn DAP Mỹ để hoàn trả hoặc trả đủ số tiền 1.447.200.000đ cho Grainco. Tuy nhiên đến ngày 26/10/1994, Trần Xuân H bỏ trốn và không thực hiện đúng cam kết với Grainco. Để giảm thiệt hại, Grainco đã thu hồi tài sản của Trần Xuân H gồm 50.000.000đ và 03 xe ô tô, nhưng 03 xe ô tô này đã được Công ty Quyết Thắng thế chấp cho Ngân hàng các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (VPBank), nên Grainco thương lượng giao lại 03 xe ô tô cho Ngân hàng và ngược lại Ngân hàng chi 150.000.000 cho Grainco.

Như vậy, Trần Xuân H đã lợi dụng mối quan hệ quen biết mượn 536 tấn phân bón DAP Korea nêu trên, rồi nhiều lần hứa trả nhưng không thực hiện và đến ngày 26/10/1994 thì bỏ trốn để chiếm đoạt của Grainco số tiền là 1.217.000.000đ (1.447.200.000đ – 50.000.000đ – 150.000.000đ). Hành vi này của Trần Xuân H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa" quy định tại Điều 135 Bộ Luật hình sự 1985 nay là tội được quy định tại Điều 175 Bộ Luật hình sự 2015.

1.4 Hành vi chiếm đoạt 3.748.710.000đ của Công ty thương mại Hòa Bình tỉnh VL:

Trước đây, Công ty thương mại Hòa Bình thuộc tỉnh VL từng có quan hệ cho Công ty Quyết Thắng vay vốn để kinh doanh thông qua hình thức ký hợp đồng liên doanh liên kết, chia lợi nhuận. Huỳnh Văn H, Giám đốc Công ty thương mại Hòa Bình và Trần Xuân H, Công ty TNHH Quyết Thắng ký hợp đồng số 01/LD94 ngày 25/7/1994 liên doanh, liên kết thu mua, chế biến 3.000 tấn gạo xuất khẩu, với nội dung: Công ty thương mại Hòa Bình ứng vốn để Công ty Quyết Thắng thu mua, chế biến xuất khẩu gạo. Sau khi trừ các khoản chi phí, tiền lời sẽ được chia đều trên số vốn đóng góp, Công ty Quyết Thắng phải bảo đảm số lời tối thiểu là 5%/tháng cho Công ty thương mại Hòa Bình. Thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 30/10/1994.

Thực hiện hợp đồng này, ngày 01, 02/8/1994 Công ty thương mại Hòa Bình đã xuất chi số tiền 2 tỷ đồng do Phạm Thanh Thủy và nhân viên Công ty TNHH Quyết Thắng ký nhận mà không cử cán bộ tham gia kiểm tra sử dụng vốn góp của Công ty TNHH Quyết Thắng (thực tế là cho vay lấy lãi chứ không phải liên doanh thu mua chế biến gạo). Đến ngày 29/8/1994, Công ty Quyết Thắng chi trả số tiền lãi 100.000.000 đồng/tháng và ngày 26/9/1994 chi trả gốc 200.000.000 đồng cho Công ty thương mại Hòa Bình. Sau đó, Trần Xuân H, hứa hẹn hoàn trả hết gốc và lãi số tiền còn lại nhưng ngày 26/10/1994 thì Trần Xuân H đã bỏ trốn đi nước ngoài dẫn đến Công ty thương mại Hòa Bình mất số tiền 1.800.000.000 đồng (2.000.000.000 – 200.000.000) vốn gốc và lãi phát sinh.

Cùng thời gian này, để trả khoản tiền nợ của Trung tâm thương mại Quốc tế (viết tắt ITC), Trần Xuân H giới thiệu Công ty thương mại Hòa Bình ký hợp đồng mua lại số gạo của ITC có hợp đồng và chứng từ mua đang gửi cho Công

ty Quyết Thắng quản lý. Từ đó, Công ty thương mại Hòa Bình đã ký hợp đồng số 67/ITC/HĐMB ngày 13/8/1994 với ITC, nội dung: mua 7.000 tấn gạo 15% tấm xuất khẩu của ITC với giá 2.080 đồng/kg thành tiền 14.560.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng số 67/ITC/HĐMB có quy định giao nhận gạo tại mạn tàu và thanh toán tiền mua trước khi giao nhận hàng. Ngày 09/9/94, Công ty Hòa Bình vay tiền ngân hàng đã chi số tiền 4,2 tỉ đồng để mua 2.000 tấn gạo 15% tấm theo hóa đơn xuất kho của ITC. Ngày 10/9/1994, đại diện ITC, Công ty Quyết Thắng và Công ty Hòa Bình lập biên bản giao nhận 2.000 tấn gạo 15% tấm, nội dung: Công ty Quyết Thắng chịu trách nhiệm giao số gạo này tới mạn tàu cho Công ty Hòa Bình. Sau khi lập thủ tục giao nhận số gạo trên, Công ty Hòa Bình phát hiện Công ty Quyết Thắng không còn gạo 15% tấm để giao nên ngày 13/9/1994 đã thỏa thuận với Trần Xuân H đổi lấy 1.000 tấn gạo 5% tấm và 1.000 tấn gạo 10% tấm của Công ty Quyết Thắng theo hợp đồng số 37/94. Như nêu ở trên, ngày 26/9/1994 khi Công ty Quyết Thắng chỉ trả 200.000.000đ vốn gốc cho Công ty Hòa Bình theo Hợp đồng liên doanh số 01/LD ngày 25/7/1994 thì Công ty Hòa Bình chỉ tiếp cho ITC để mua tiếp số gạo đã ký và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng số 67/ITC/HĐMB đến ngày 07/10/1994.

Ngày 10/10/1994, Công ty Quyết Thắng xuất hóa đơn giao 2.000 tấn gạo 15% tấm cho Công ty Hòa Bình (chỉ ghi nhận trên chứng từ, thực tế chưa giao gạo), cùng ngày 10/10/1994, Công ty Quyết Thắng giao 999,45 tấn gạo 5% tấm trị giá 2.198.790.000đ; ngày 20/10/94, giao tiếp 150 tấn gạo 10% tấm trị giá 322.500.000 đồng cho Công ty Hòa Bình. Như vậy, cho đến ngày 26/10/1994, Trần Xuân H bỏ trốn đi nước ngoài, Công ty Hòa bình đã bị chiếm đoạt số gạo 15% tấm giá trị 1.678.710.000 đồng ($4.200.000.000 - 2.198.790.000 - 322.500.000$).

Như vậy, thông qua việc thực hiện hợp đồng kinh tế số 01/LD ngày 25/7/1994 và 67/ITC/HĐMB ngày 13/8/1994, Trần Xuân H đã nhận được số tiền 3.478.710.000 đồng ($1.800.000.000 + 1.678.710.000$) của Công ty Hòa Bình để bán gạo nhưng sau đó bỏ trốn và không giao gạo như thỏa thuận của hợp đồng. Hành vi này của Trần Xuân H đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của Công ty thương mại Hòa Bình với số tiền 3.478.710.000 đồng.

1.5 Hành vi chiếm đoạt 2.480.000.000 đồng của Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn:

Đầu tháng 9/1994, Đặng Hữu P là Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn (viết tắt Công ty Sài Gòn) chủ động liên hệ với Trần Xuân H – đại diện Công ty Quyết Thắng để thỏa thuận việc mua bán gạo xuất khẩu. Qua cuộc gặp, H cho P biết đang thực hiện Hợp đồng ủy thác xuất khẩu 13.000 tấn gạo sang Hồng Kông cho VINAFOOD III và hiện trong kho TD có sẵn 10.000 tấn gạo nhưng H đang cần 25 tỷ đồng để tháo khoán và nhận 11.000 tấn phân DAP Mỹ nhập khẩu đã về đến Cảng, do vậy muốn nhường hợp đồng ủy thác xuất khẩu gạo trên cho Công ty Sài Gòn. Qua tìm hiểu tại VINAFOOD III và kiểm tra số gạo tại Tổng kho TD xác định: việc xuất khẩu gạo và số lượng gạo là có thật, ngoài ra phía nước ngoài cũng đã mở 02 L/C

thanh toán 13.000 tấn gạo cho VINAFOOD III với tổng số tiền là 2.780.000 USD. Ngày 05/9/1994, chi nhánh Công ty Sài Gòn (bên mua) ký với Công ty Quyết Thắng (bên bán) hợp đồng mua gạo số 54/HĐ/QT để mua 13.000 tấn gạo 5% tấm xuất khẩu và đồng thời thay Công ty Quyết thắng ký Hợp đồng ủy thác xuất khẩu gạo số 234A/LT3/HDD94 với VINAFOOD III. Sau đó, Công ty Sài Gòn đề nghị thay Chi nhánh thực hiện hợp đồng này nên Chi nhánh hủy Hợp đồng kinh tế số 54/HĐ/QT ngày 05/9/1994 và đề Công ty ký lại với Công ty Quyết Thắng bằng hợp đồng số 1240/HĐ ngày 08/9/1994. Căn cứ vào các hợp đồng nêu trên từ ngày 10/9/1994 đến 19/9/1994, Công ty Sài Gòn đã 04 lần chi tiền mua gạo cho Công ty Quyết Thắng (do Lê Trí T nhân viên Công ty TNHH Quyết Thắng đại diện nhận tiền) với tổng cộng 2.480.000.000đ. Sau đó, Công ty Sài Gòn không vay được tiền để thực hiện hợp đồng trên nên xin hủy hợp đồng với Công ty TNHH Quyết Thắng và thu hồi tiền vốn đã chi. Nhưng H cho biết đã sử dụng tiền trên chi mua gạo nên đề nghị Công ty liên doanh với Công ty Quyết Thắng thực hiện xuất khẩu 5.000 tấn gạo sang Hồng Kông cho VINAFOOD III (Công ty Quyết Thắng sẽ trực tiếp thực hiện xuất khẩu). Vì vậy, hai bên ký hợp đồng liên doanh số 1278/HĐ ngày 21/9/1994 thay thế cho Hợp đồng 1240/HĐ nêu trên, số tiền 2.480.000.000 đồng được chuyển sang là vốn góp liên doanh, Công ty Quyết Thắng sẽ trả thêm 4-6% số tiền lợi nhuận cho Công ty Sài Gòn. Ngày 18/10/1994, Công ty Sài Gòn đến Công ty Quyết Thắng thu hồi vốn, lợi nhuận và lãi vay ngân hàng thì H cho xem hồ sơ xuất khẩu 5.000 tấn gạo và chờ đến ngày 05/11/1994 mới tháo khoán và thu hồi tiền về được. Tuy nhiên đến ngày 27/10/1994, Công ty Sài Gòn biết tin H đã bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi này của Trần Xuân H đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn với số tiền 2.480.000.000 đồng.

* Theo kết quả điều tra được Kết luận điều tra; Cáo trạng số 101/KSĐT-KT ngày 19/7/1996 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án Sơ thẩm số 85/HSST ngày 21/01/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án Phúc thẩm số 908/HSPT từ ngày 03 đến 07/6/1994 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Trần Xuân H còn thực hiện hành vi chiếm đoạt của các tổ chức, cá nhân sau:

1.6 Hành vi chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (Vpbank) cho vay với số tiền 3.336.000.000 đồng.

1.7 Hành vi chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín cho vay với số tiền 5.126.928.000 đồng.

1.8 Hành vi chiếm đoạt số vàng vay của Công ty Tài chính cổ phần Seaprodex cho vay 720 lượng vàng tương đương với số tiền 3.600.000.000 đồng.

1.9 Hành vi chiếm đoạt tiền vay của Công ty TNHH TM Đông Xuân với số tiền 185.000.000 đồng

1.10 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty XNK Đất Việt với số tiền 205.639.000 đồng

1.11 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty Vật tư Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 109.895.000 đồng

1.12 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty TNHH Nguyễn Phước Dũng với số tiền 881.140.000 đồng

1.13 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán của Công ty Recoffsa Pháp với số tiền 2.080.411,14 USD tương đương 22.614.069.092 đồng.

1.14 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán của Xí nghiệp nuôi dịch vụ nuôi trồng thủy sản Thành phố 20.045.705 đồng.

1.15 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty Đầu tư và Phát triển kinh tế tỉnh ST với số tiền 633.475.700 đồng

1.16 Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán phân DAP Mỹ của Công ty TNHH Liên Hiệp với số tiền 847.500.000 đồng

1.17 Có 11 cá nhân bị chiếm đoạt tiền:

1. Phạm Văn Đ (doanh nghiệp tư nhân - 300/2 BND, Quận Z, TP. Hồ Chí Minh) với số tiền 37.017.000 đồng mua bán gạo;

2. Phạm Văn L (số 65/31 NO, Phường C, GV, TP. Hồ Chí Minh) với số tiền 17.847.000 đồng.

3. Nguyễn Thị T (HKTT: số 30/7A, ấp TA, xã TQT, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT) với số tiền 740.494.000 đồng, 13.717,7 USD tương đương 149.111.399 đồng (theo tỷ giá năm 1994 là 10.870 đồng/1USD), tổng số tiền là 889.605.399 đồng;

4. Võ Bích H (HKTT: số 14/40B KĐ, Phường R, Quận S, TP. HCM) với số tiền 1.000.000.000 đồng;

5. Nguyễn Ngọc Đ (HKTT: số 53C Cư xá LTK, Phường M, Quận T, TP. Hồ Chí Minh) với số tiền 50.000.000 đồng;

6. Đoàn Văn K và Trần Thị N (HKTT: số 220/7 TXS, ấp X, xã TQT, huyện NB, TP. Hồ Chí Minh) với 19 lượng vàng (giá vàng năm 1994 là 512.000 đồng/chỉ) tương đương 97.280.000 đồng;

7. Lê Thị S với số tiền 20.000.000 đồng;

8. Lương Thị T (HKTT: số 31/4D đường TP, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT) với số tiền 72.000.000 đồng;

9. Vợ chồng Nguyễn Văn Bé C và Phạm Thị Kim C (HKTT: số 79 PT, Phường O, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 300.000.000 đồng và 2.500 USD tương đương 27.175.000 đồng (theo tỷ giá năm 1994 là 10.870 đồng/1USD), tổng số tiền là 327.175.000 đồng

10. Phạm Thị N (HKTT: số 232 NH, Phường P, TP. CL, tỉnh ĐT) với số tiền 259.599.425 đồng;

11. Bành Chuyên H (sinh năm 1957, ngụ tại 159 THĐB, Phường L, Quận U) với số tiền 53 lượng vàng (theo giá vàng năm 1994 là 512.000 đồng/chỉ) tương đương 271.360.000 đồng;

Tổng số tiền Trần Xuân H thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nêu trên là 86.170.881.589 đồng.

2. Trần Xuân H đại diện pháp nhân Công ty Quyết Thắng thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” quy định Điều 134 Bộ Luật hình sự 1985, nay là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ Luật hình sự 2015.

2.1 Hành vi chiếm đoạt 10.811,57 tấn phân DAP Mỹ trị giá 2.492.600 USD của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (SaigonBank)

Ngày 06/7/1994, Trần Xuân H thông qua Công ty XNK Tổng hợp 2 (Generalimex) thuộc Bộ Thương mại ký hợp đồng ngoại thương số CC-178/Mitsui-Generalimex để nhập mua 11.000 tấn phân DAP Mỹ (hàng rời, xá chưa đóng bao) với giá 226,60USD/tấn, trị giá về đến Cảng Sài Gòn là 2.492.600 USD, thanh toán bằng tín dụng thư (L/C) trả chậm 180 ngày sau ngày có vận tải đơn (Bill of Lading) của Công ty Mitsuiand Co Nhật Bản. Ngày 13/7/1994, Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng (Bên A) và Nguyễn Văn H, Giám đốc Generalimex (Bên B) ký Hợp đồng ủy thác nhập phân bón số 39/QT/HĐ94, nội dung: Bên A ủy thác Bên B nhập khẩu 10.000 tấn với giá 226,6 USD/tấn, các chỉ tiêu thông số kỹ thuật theo quy định tại hợp đồng ngoại CC-178/Mitsui-Generalimex.

Để mở tín dụng thư thanh toán số tiền trên, 16/7/1994 Trần Xuân H cùng đại diện Generalimex làm đơn xin Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương Thành phố Hồ Chí Minh bảo lãnh mở tín dụng thư, có cam kết thế chấp toàn bộ lô hàng nhập khẩu, có phương án kinh doanh và đề nghị được miễn ký quỹ khi ngân hàng chấp thuận mở tín dụng thư. Trên cơ sở các tài liệu, chứng từ do Công ty Quyết Thắng cùng cấp và các thủ tục kèm theo, ngày 22/7/1994, Saigon Bank đã mở tín dụng thư số NHK 294 GBS 864 thanh toán trả chậm số tiền trên cho Công ty Quyết Thắng và Công ty Quyết Thắng thế chấp 11.000 tấn DAP Mỹ cho Ngân hàng.

Ngày 12/9/1994, Công ty Quyết Thắng đã ký hợp đồng số 76 với Công ty kho vận Miền Nam tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và bảo quản 11.000 tấn phân DAP từ cảng Khánh Hội về Tổng kho TĐ với giá trọn gói tổng cộng 38.000 đồng/tấn/tháng. Cùng 12/9/1994, Saigon Bank, Tổng kho TĐ và Công ty kho vận Miền Nam ký hợp đồng số 76A, với nội dung: Sotrans cho Saigon Bank thuê kho tại Tổng kho TĐ để lưu trữ 11.000 tấn phân DAP Mỹ, với giá thuê 16.000 đồng/tháng (tương đương phần tiền lưu kho hợp đồng số 76) và chi phí này do Công ty Quyết Thắng chịu trách nhiệm thanh toán.

Ngày 14/9/1994, Generalimex có Giấy ủy quyền số 00966/XNK gửi Saigon Bank, thông báo lô hàng 11.000 tấn DAP Mỹ đã về đến Cảng Sài Gòn và ủy quyền cho Công ty Quyết Thắng trực tiếp nhận bộ chứng nhập khẩu từ Ngân hàng để làm thủ tục dỡ hàng trên tàu H.V LADY RIE. Sau đó cùng ngày 14/9/1994, Trần Xuân H ký văn bản số 82/QT gửi Saigon Bank và Công ty kho vận Miền Nam, nội dung: đồng ý thế chấp 11.000 tấn DAP Mỹ trị giá 2.492.600 USD cho Saigon Bank; hàng chỉ được xuất kho khi có lệnh của Ngân hàng; đề nghị Sotrans tiếp nhận hàng và bảo quản hàng thế chấp theo số lượng thực tế hàng về kho. Phạm Đức H đại diện Sotrans ký tên và đóng dấu trên công văn. Sau đó, Trần Xuân H giao công văn này cho Saigon Bank, tin tưởng vào thỏa thuận, cam kết của Trần Xuân H, Ngân hàng đã giao toàn bộ hồ sơ chứng từ nhập khẩu. Ngày 15/9/1994, Saigon Bank có văn bản số 142/QC gửi Công ty kho vận Miền Nam để giới thiệu mẫu dấu và chữ ký lãnh đạo Ngân hàng làm cơ sở giải chấp hàng thế chấp, hồ sơ giao trực tiếp Phạm Đức H, không có biên nhận tài liệu.

Sau khi nhận bộ chứng từ nhận hàng nhập khẩu từ 17/9/1994 đến ngày 20/10/1994, Trần Xuân H thông qua Công ty Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận đóng bao số phân Công ty Mitsui giao được 10.975,5 tấn DAP Mỹ (có kiểm nghiệm số lượng, chất lượng của Công ty Vinacomtrol). Để cân trừ tiền công tiếp nhận, đóng bao lô hàng này, Công ty Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Cảng Sài Gòn giữ 163,25 tấn, chỉ giao 10.812,3 tấn cho Công ty kho vận Miền Nam.

Lợi dụng sự tin tưởng và thiếu sót của Ngân hàng trong việc kiểm tra, giám sát, theo dõi việc tiếp nhận, đóng bao, vận chuyển, nhập kho từ cảng Sài Gòn về Tổng kho TĐ, từ ngày 17/9/1994, Trần Xuân H thông qua Phạm Minh T, Nguyễn Văn Đẩu nhân viên Công ty Quyết Thắng và Nguyễn Thượng Dân - Giám đốc, Phạm Đức H - Phó Giám đốc XNDV giao nhận Vận tải thuộc Sotrans đã giao, chuyển thẳng 4.932,9 tấn DAP Mỹ về Công ty Quyết Thắng để bán cho các đơn vị khác. Còn lại 5.878,67 tấn, được Trần Xuân H và Phạm Đức H chuyển về nhập kho thuộc Tổng Kho TĐ – Sotrans. Số phân bón tại Tổng kho TĐ thì Trần Xuân H cấu kết với Nguyễn Ngọc T – Giám đốc Tổng kho TĐ xuất tiêu thụ và cân trừ nợ của Công ty Quyết Thắng với các đơn vị khác, dẫn đến số phân thực tế trong Tổng kho TĐ là 5.878,67 tấn, nhưng tổng số lượng bán ra, cân trừ nợ lên đến 15.100 tấn. Mặc dù, đã xuất bán hàng trên đường vận chuyển và kể cả lấy hàng từ kho để tiêu thụ nhưng để tạo sự tin tưởng với Ngân hàng, ngày 18/10/1994, Trần Xuân H và Phạm Đức H lập Phiếu nhập kho số 5/10, nhập 11.000 tấn DAP Mỹ vào Tổng kho TĐ cho Saigon Bank và ngày 19/10/1994, ba bên gồm: Trần Xuân H, Phạm Đức H và Ngân hàng lập Biên bản kiểm tra hàng thể chấp ghi nhận 11.000 tấn DAP Mỹ tại Tổng kho do Công ty Quyết Thắng đã thế chấp cho Ngân hàng và cam kết chỉ xuất hàng khi có lệnh của Ngân hàng. Thực tế cho đến ngày 26/10/1994 khi Trần Xuân H bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã xác định Công ty Quyết Thắng thông qua Phạm Minh T, Nguyễn Ngọc T, Phạm Đức H đã lấy được 1.975,67 tấn DAP Mỹ từ Tổng kho Thủ Đức để tiêu thụ và cân trừ nợ các đơn vị khác và số phân bón còn lại tại tổng kho TĐ là 3.903 tấn DAP Mỹ đã được Cơ quan điều tra niêm phong. Sau đó, xảy ra tranh chấp quyền sở hữu giữa nhiều đơn vị như Chi cục I Cục dự trữ Quốc Gia, Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC, Công ty Bách hóa Điện máy Thành phố,... đối số phân bón còn lại do trước đó Trần Xuân H cầm cố và bán cho nhiều đơn vị lô hàng này.

Như vậy, lợi dụng mối quan hệ quen biết, tạo lòng tin bằng các văn bản cam kết, lập khống Phiếu nhập kho, Biên bản kiểm tra hàng, Trần Xuân H đã lừa dối Saigon Bank giao bộ chứng từ gốc nhập khẩu 11.000 tấn DAP Mỹ, trị giá 2.492.600USD, rồi cấu kết với một số nhân viên Sotrans, Tổng kho TĐ đã chiếm đoạt toàn bộ số hàng trên của Ngân hàng, Hành vi này của Trần Xuân H và đồng phạm đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa" theo quy định tại điều 134 Bộ Luật hình sự năm 1985, này là tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Điều 174 – Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2 Hành vi chiếm đoạt của Công ty TNHH Ngọc Ánh số tiền 250.000.000đ:

Ngày 24/10/1994, Trần Xuân H liên hệ với Công ty TNHH Ngọc Ánh (viết tắt Công ty Ngọc Ánh) đặt yêu cầu muốn bán 200 tấn phân DAP Mỹ với giá 2.400đ/kg, thành tiền là 480.000.000 đồng. Công ty Ngọc Ánh đồng ý mua và ứng trước cho H số tiền 250.000.000 đồng được Công ty Quyết Thắng lập phiếu thu ngày 24/10/1994 và hóa đơn xuất bán 200 tấn phân DAP Mỹ. Ngày 25/10/1994, Công ty Ngọc Ánh cử người đến kho TĐ đang quản lý số phân DAP Mỹ của Công ty Quyết Thắng để nhận hàng thì không nhận được phân bón do Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã kê biên, phong tỏa và có lệnh không cho xuất hàng. Đến ngày 26/10/1994, Công ty Ngọc Ánh biết được thông tin Trần Xuân H đã bỏ trốn đi nước ngoài và chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng.

2.3 Hành vi chiếm đoạt số tiền 7.484.750.000 đồng của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

Ngày 28/9/1994, Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng ký hợp đồng số 81/ITC/HĐMB bán cho Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) 3.800 tấn phân DAP Mỹ trị giá 9.313.000.000 đồng (3.800 tấn x 2.450.000 đồng/tấn). Thực hiện hợp đồng ngày 01/10/1994, Công ty Quyết Thắng lập hóa đơn xuất 3.300 tấn phân DAP Mỹ trị giá 8.085.000.000 đồng cho ITC tiếp nhận. Ngày 05/10/1994, ITC ký hợp đồng thuê Tổng kho TĐ lưu giữ, bảo quản 3.300 tấn phân DAP Mỹ với giá thuê kho là 12.000 đồng/tấn/tháng.

Biết rõ số phân DAP Mỹ nêu trên là của Ngân hàng Sài Gòn Công thương nhưng ngày 05/10/1994 Trần Xuân H cùng với Nguyễn Ngọc T – Giám đốc Tổng kho TĐ đã ký biên bản bàn giao 3.300 tấn phân DAP Mỹ tại Kho 7 thuộc Tổng kho TĐ cho ITC và ngày 07/10/1994, Nguyễn Ngọc T tiếp tục ký phiếu nhập kho tiếp nhận 3.300 tấn phân DAP Mỹ của ITC.

Ngày 17/10/1994, Công ty Quyết Thắng ký phiếu xuất kho thêm 100 tấn phân DAP Mỹ trị giá 245.000.000 đồng cho ITC. Tổng cộng ITC đã mua của Công ty Quyết Thắng là 3.400 tấn phân DAP Mỹ với tổng trị giá là 8.330.000.000 đồng. ITC đã thanh toán hết số tiền này cho Công ty Quyết Thắng. Đối với 3.400 tấn phân DAP Mỹ gửi tại Tổng kho TĐ, ITC đã xuất kho và bán được 345 tấn thu được số tiền 845.250.000 đồng. Số phân DAP Mỹ còn lại sau khi Trần Xuân H bỏ trốn Cơ quan CSĐT Bộ Nội vụ (nay là Cơ quan CSĐT Bộ Công an) đã xác định và kê biên là 3.903 tấn DAP Mỹ, đây là số phân DAP thuộc 11.000 tấn phân DAP Mỹ mà Công ty Quyết Thắng đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương và được gửi tại Tổng kho TĐ.

Như vậy, Trần Xuân H đã lừa đảo chiếm đoạt của Trung tâm Thương mại Quốc tế 3.055 tấn DAP Mỹ (3.400 tấn – 345 tấn) nhân với đơn giá 2.450.000 đồng/tấn thành tổng trị giá là 7.484.750.000 đồng.

2.4 Hành vi chiếm đoạt số tiền 4.160.000.000 đồng của Công ty Bách hóa điện máy Thành phố.

Ngày 02 và 06/10/1994, Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng ký 02 hợp đồng bán cho Công ty Bách hóa điện máy Thành phố (viết tắt Công ty Bách hóa) 1.600 tấn DAP Mỹ trị giá 4.160.000.000 đồng. Ngày 06/10/1994 Công ty Bách hóa đã nộp đủ số tiền mua phân bón nêu trên cho Công ty Quyết Thắng.

Ngày 07/10/1994, Nguyễn Ngọc T – Giám đốc Tổng kho ĐĐ cùng Trần Xuân H ký biên bản bàn giao 1.600 tấn phân DAP Mỹ tại Tổng kho ĐĐ cho Công ty Bách hóa và cam kết quản lý lô hàng trên, chỉ xuất kho khi có lệnh của Công ty Bách hóa yêu cầu. Tuy nhiên, đến ngày 26/10/1994 khi Trần Xuân H bỏ trốn đi nước ngoài, Công ty Bách hóa không nhận được số phân bón nêu trên do số phân bón này đã được Trần Xuân H thế chấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương và được gửi tại Tổng kho ĐĐ để vay hơn 2.492.600 USD.

Như vậy, Trần Xuân H đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 1.600 tấn DAP Mỹ trị giá 4.160.000.000 đồng của Công ty Bách hóa điện máy Thành phố.

2.5 Hành vi chiếm đoạt số tiền 5.009.440.000 đồng của Công ty TNHH Tân Liên Phát.

Ngày 08/10/1994, Trần Xuân H đại diện Công ty Quyết Thắng ký hợp đồng bán cho Công ty TNHH Tân Liên Phát 2.200 tấn phân DAP Mỹ với tổng trị giá 5.764.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền mua phân bón nêu trên từ ngày 08/10/1994 đến ngày 18/10/1994, Trần Xuân H đã ký 03 phiếu xuất kho giao Công ty TNHH Tân Liên Phát 2.200 tấn phân DAP Mỹ. Do trước đó, Công ty Tân Liên Phát đã ký hợp đồng thuê kho với Tổng kho ĐĐ nên ngày 22/10/1994 Trần Xuân H cùng với Nguyễn Ngọc T ký lại biên bản chuyển chủ quyền 2.200 tấn phân DAP Mỹ tại Tổng kho ĐĐ cho Công ty Tân Liên Phát. Sau đó, Công ty Tân Liên Phát mới nhận được 288 tấn phân DAP Mỹ thì phát hiện Trần Xuân H bỏ trốn và biết được thực tế số phân bón DAP này Trần Xuân H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương trước đó.

Như vậy Trần Xuân H đã lừa đảo chiếm đoạt 5.009.440.000 đồng của Công ty TNHH Tân Liên Phát.

2.6 Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.099.200.000 đồng của Công ty TNHH Hoàng Lê.

Đồng thời với thủ đoạn tương tự như trên, ngày 15/10/1994, Trần Xuân H còn bán cho Công ty TNHH Hoàng Lê 500 tấn phân DAP Mỹ trị giá 1.200.000.000đ. Tuy nhiên Công ty Hoàng Lê mới nhận được 42 tấn phân DAP Mỹ trị giá 100.800.000 đồng thì Trần Xuân H bỏ trốn đi nước ngoài. Như vậy, Trần Xuân H đã chiếm đoạt số tiền 1.099.200.000 đồng của Công ty TNHH Hoàng Lê.

Tổng số tiền Trần Xuân H thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của các bị hại nêu trên là 45.097.952.000 đồng.

Quá trình điều tra Trần Xuân H khai: Trước khi rời khỏi Việt Nam thì H thừa nhận Công ty Quyết Thắng đang có quan hệ kinh doanh đang dở với VINAFOOD III; Cục Dự trữ Quốc Gia và vay vốn của SaiGon Bank. Tuy nhiên do sự việc đã xảy ra gần 30 năm, nên H không nhớ chi tiết công nợ với các đơn vị này, cũng như các đơn vị khác. H thừa nhận trước đây có ký nhiều hợp đồng kinh tế mua bán phân bón, gạo với nhiều đơn vị nhà nước, tổ chức kinh tế và công dân nhưng không còn nhớ chi tiết sự việc và công nợ. H cam kết nếu có sai phạm thì xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Tại bản Cáo trạng số 468/CT-VKS-P3 ngày 31/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Xuân H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Xuân H. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Xuân H từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 24 đến 26 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại Bản án sơ thẩm số 85/HSST ngày 21/01/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 908/HSPT từ ngày 03 đến 07/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Về xử lý vật chứng, không thu giữ nên không đề cập giải quyết.

- Bị cáo Trần Xuân H đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H là Luật sư Trần Thị Ngân Q, trình bày quan điểm bào chữa như sau:

Thống nhất với tội danh cũng như khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo Trần Xuân H như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm một số tình tiết sau: Bị cáo bỏ trốn khi chưa bị tố cáo, trong quá trình bỏ trốn bị cáo không biết bản thân bị truy nã; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện tại không có chỗ ở; là người trên 70 tuổi có nhiều bệnh tật như thoát vị đĩa đệm, cao huyết áp, Lupus ban đỏ, thường xuyên phải nằm viện điều trị nên sức khỏe rất yếu không tự mình đi lại bình thường được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và xem xét hoàn cảnh của bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận đối đáp với Luật sư:

+ Do Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo H, nên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Xuân H phù hợp với lời khai của các Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

Trần Xuân H nguyên là Giám đốc Xí nghiệp tư doanh Quyết Thắng, tỉnh TG. Thông qua việc liên doanh liên kết với Xí nghiệp dịch vụ nuôi trồng thủy sản Sở nông nghiệp Thành phố và em ruột Phạm Thị Bích T để thành lập Công ty TNHH Quyết Thắng (sau đây viết tắt Công ty Quyết Thắng) hoạt động kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh. Ngày 24/11/1992 được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép thành lập Công ty TNHH số 692/GP-UB và ngày 28/11/1992 đã đăng ký kinh doanh số 048600 tại trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh với số vốn điều lệ 7.050 triệu đồng, có chức năng kinh doanh: Chế biến nông sản, lương thực và thủy sản khô; Buôn bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm. Khi điều hành Công ty Quyết Thắng, Trần Xuân H đã thông qua việc ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế mua, bán phân bón, gạo với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân, sau đó chỉ thực hiện một phần hoặc không thực hiện nội dung hợp đồng đã ký. Ngoài ra H còn thực hiện hành vi gian dối đưa ra các thông tin không có thật khi ký kết hợp đồng kinh tế, làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền, tài sản cho bị cáo. Qua đó nhận số lượng lớn ngoại tệ, tiền Việt Nam đồng và vàng rồi bỏ trốn, chiếm đoạt lượng lớn tài sản của Nhà nước, tập thể và các cá nhân.

Theo kết quả điều tra và các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận điều tra số 418-25 ngày 07/11/1995 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Cáo trạng số 101/KSĐT-KT ngày 19/7/1996 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án Sơ thẩm số 85/HSST ngày 21/01/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án Phúc thẩm số 908/HSPT từ ngày 03 đến 07/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì tính đến khi bỏ trốn vào ngày 26/10/1994 bằng các thủ đoạn nêu trên Trần Xuân H đã chiếm đoạt tài sản, tiền của các đơn vị kinh tế quốc doanh Nhà nước, đơn vị kinh tế tập thể tư doanh cá thể và cá nhân cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.856.208.268 đồng của Chi nhánh Công ty Lương thực Trung ương 3 (Chi nhánh VINAFOOD III) tại Thành phố Hồ Chí Minh: Trần Xuân H, sử dụng pháp nhân Công ty Quyết Thắng thông qua việc

ký kết hợp đồng gia công, mua bán gạo số 208, 209, 261, 32 và hợp đồng mua phân bón URE Indo số 210 đã nhận được tiền và tài sản hợp pháp, của VINAFOOD III, sau đó thực hiện được một phần hợp đồng rồi bỏ trốn, chiếm đoạt số tiền 26.856.208.268 đồng (22.096.013.722đ + 2.760.194.546đ + 2.000.000.000đ) của VINAFOOD III.

2. Hành vi chiếm đoạt 11.267.387.000 đồng của Chi cục I Cục Dự trữ Quốc gia (sau đây gọi là Cục Dự trữ Quốc gia): Thông qua hai hợp đồng mua gạo hợp đồng kinh tế số 374/CCI và hợp đồng kinh tế số 380/CCI, Trần Xuân H có được tiền từ Cục Dự trữ Quốc gia đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 26/10/1994 bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 11.267.387.000 đồng của Cục Dự trữ Quốc gia - Chi cục I.

3. Hành vi chiếm đoạt 536 tấn phân DAP Korea trị giá 1.477.200.000đ của Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư ngũ cốc (Grainco): Thông qua việc ký Hợp đồng bán phân bón cho Công ty Grainco, Trần Xuân H đã nhận được tiền nhưng nhiều lần hứa giao hàng hoặc trả lại tiền nhưng không thực hiện mà bỏ trốn để chiếm đoạt của Grainco số tiền là 1.217.000.000đ.

4. Hành vi chiếm đoạt 3.748.710.000đ của Công ty thương mại Hòa Bình tỉnh VL: Thông qua việc thực hiện hợp đồng kinh tế số 01/LD ngày 25/7/1994 và 67/ITC/HĐMB ngày 13/8/1994, Trần Xuân H đã nhận được số tiền 3.478.710.000 đồng (1.800.000.000 + 1.678.710.000) của Công ty Hòa Bình để bán gạo nhưng sau đó bỏ trốn và không giao gạo như thỏa thuận của hợp đồng, chiếm đoạt của Công ty thương mại Hòa Bình số tiền 3.478.710.000 đồng.

5. Hành vi chiếm đoạt 2.480.000.000 đồng của Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn: Thông qua việc thỏa thuận việc ký hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu với Công ty thương mại tổng hợp Sài Gòn (viết tắt Công ty Sài Gòn). Trần Xuân H đã nhận tiền của Công ty Sài Gòn, sau đó bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền 2.480.000.000 đồng của Công ty Sài Gòn.

6. Chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (Vpbank) cho vay với số tiền 3.336.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín cho vay với số tiền 5.126.928.000 đồng.

8. Chiếm đoạt số vàng vay của Công ty Tài chính cổ phần Seaprodex cho vay 720 lượng vàng tương đương với số tiền 3.600.000.000 đồng.

9. Chiếm đoạt tiền vay của Công ty TNHH TM Đông Xuân với số tiền 185.000.000 đồng.

10. Chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty XNK Đất Việt với số tiền 205.639.000 đồng.

11. Chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty Vật tư Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 109.895.000 đồng

12. Chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty TNHH Nguyễn Phước Dũng với số tiền 881.140.000 đồng

13. Chiếm đoạt tiền mua bán của Công ty Recoffsa Pháp với số tiền 2.080.411,14 USD tương đương 22.614.069.092 đồng.

14. Hành vi chiếm đoạt tiền mua bán của Xí nghiệp nuôi dịch vụ nuôi trồng thủy sản Thành phố 20.045.705 đồng.

15. Chiếm đoạt tiền mua bán gạo của Công ty Đầu tư và Phát triển kinh tế tỉnh ST với số tiền 633.475.700 đồng

16. Chiếm đoạt tiền mua bán phân DAP Mỹ của Công ty TNHH Liên Hiệp với số tiền 847.500.000 đồng

17. Chiếm đoạt tiền của 11 cá nhân sau:

1. Phạm Văn Đ (doanh nghiệp tư nhân) địa chỉ 300/2 BND, Quận Z, TP. Hồ Chí Minh với số tiền 37.017.000 đồng mua bán gạo;

2. Phạm Văn L (số 65/31 NO, Phường C, GV, TP. Hồ Chí Minh) với số tiền 17.847.000 đồng;

3. Nguyễn Thị T (HKTT: số 30/7A, ấp TA, xã TQT, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT) với số tiền 740.494.000 đồng, 13.717,7 USD tương đương 149.111.399 đồng (theo tỷ giá năm 1994 là 10.870 đồng/1USD), tổng số tiền là 889.605.399 đồng;

4. Võ Bích H (HKTT: số 14/40B KĐ, Phường R, Quận S, TP. HCM) với số tiền 1.000.000.000 đồng;

5. Nguyễn Ngọc Đ (HKTT: số 53C Cư xá LTK, Phường M, Quận T, TP. Hồ Chí Minh) với số tiền 50.000.000 đồng;

6. Đoàn Văn K và Trần Thị N (HKTT: số 220/7 TXS, ấp X, xã TQT, huyện NB, TP. Hồ Chí Minh) với 19 lượng vàng (giá vàng năm 1994 là 512.000 đồng/chỉ) tương đương 97.280.000 đồng;

7. Lê Thị S với số tiền 20.000.000 đồng;

8. Lương Thị T (HKTT: số 31/4D đường TP, Thị xã SĐ, tỉnh ĐT) với số tiền 72.000.000 đồng;

9. Vợ chồng Nguyễn Văn Bé C và Phạm Thị Kim C (HKTT: số 79 PT, Phường O, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 300.000.000 đồng và 2.500 USD tương đương 27.175.000 đồng (theo tỷ giá năm 1994 là 10.870 đồng/1USD), tổng số tiền là 327.175.000 đồng

10. Phạm Thị N (HKTT: số 232 NH, Phường P, TP. CL, tỉnh ĐT) với số tiền 259.599.425 đồng;

11. Bành Chuyên H (sinh năm 1957, ngụ tại 159 THĐB, Phường L, Quận U) với số tiền 53 lượng vàng (theo giá vàng năm 1994 là 512.000 đồng/chỉ) tương đương 271.360.000 đồng;

Tổng số tiền Trần Xuân H thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của các bị hại nêu trên là 86.170.881.589 đồng.

Trần Xuân H đại diện pháp nhân Công ty Quyết Thắng đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các tổ chức cá nhân sau:

1. Hành vi chiếm đoạt 10.811,57 tấn phân DAP Mỹ trị giá 2.492.600 USD của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (SaigonBank): Lợi dụng sự tin tưởng và thiếu sót của Ngân hàng trong việc kiểm tra, giám sát, theo dõi việc tiếp nhận, đóng bao, vận chuyển, nhập kho từ cảng Sài Gòn về Tổng kho TĐ, từ ngày 17/9/1994, Trần Xuân H đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, tạo lòng tin bằng các văn bản cam kết, lập khống Phiếu nhập kho, Biên bản kiểm tra hàng, Trần Xuân H đã lừa dối Saigon Bank giao bộ chứng từ gốc nhập khẩu 11.000 tấn DAP Mỹ, trị giá 2.492.600USD, rồi cấu kết với một số nhân viên Sotrans, Tổng kho TĐ đã chiếm đoạt 11.000 tấn DAP Mỹ, trị giá 2.492.600USD của Ngân hàn.

2. Hành vi chiếm đoạt của Công ty TNHH Ngọc Ánh số tiền 250.000.000đ: Bằng việc ký hợp đồng bán phân bón cho Công ty TNHH Ngọc Ánh trong khi số hành phân bón không còn. Trần Xuân H đã chiếm đoạt 250.000.000 đồng của Công ty Ngọc Ánh.

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 7.484.750.000 đồng của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

4. Hành vi chiếm đoạt số tiền 4.160.000.000 đồng của Công ty Bách hóa điện máy Thành phố: Thông qua việc ký hợp đồng bán phân bón cho Công ty Bách hóa điện máy Thành phố, đã nhận tiền nhưng không giao hàng, Trần Xuân H đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 1.600 tấn DAP Mỹ trị giá 4.160.000.000 đồng của Công ty Bách hóa điện máy Thành phố.

5. Hành vi chiếm đoạt số tiền 5.009.440.000 đồng của Công ty TNHH Tân Liên Phát.

6. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.099.200.000 đồng của Công ty TNHH Hoàng Lê.

Tổng số tiền Trần Xuân H thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nêu trên là 45.097.952.000 đồng.

Xét thấy xuất phát từ động cơ tư lợi, từ năm 1990 đến 1994, Trần Xuân H đại diện theo pháp luật của Công ty Quyết Thắng, thông qua việc ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế mua, bán phân bón, gạo với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân, sau đó chỉ thực hiện một phần hoặc không thực hiện nội dung hợp đồng đã ký, qua đó chiếm đoạt ngoại tệ, tiền Việt Nam đồng và vàng trị giá 86.170.881.589 đồng rồi bỏ trốn. Mặt khác H còn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số lượng lớn ngoại tệ, tiền Việt Nam đồng và vàng của nhiều tổ chức cá nhân trị giá 45.097.952.000 đồng rồi bỏ trốn vào năm 1994, đến ngày 31/3/2021 Trần Xuân H bị bắt theo lệnh truy nã. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân H đã có đủ yếu tố cấu thành các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” quy định tại các Điều 134, 157, 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, nay được quy định tại các Điều 174 và Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo H, theo quy định tại Điều 134, 157, 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 có quy định khung hình phạt nặng hơn điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) Như vậy việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là nhẹ hơn, có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 41/2016/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, xét xử bị cáo Trần Xuân H theo điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Xuân H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Xuân H thống nhất với bản cáo trạng về tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội bị cáo Trần Xuân H là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các tổ chức kinh tế và cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bị cáo vẫn cố ý phạm tội, chiếm đoạt tài sản của nhiều tổ chức kinh tế, cá nhân với số tài sản đặc biệt lớn tại thời điểm xảy ra vụ án. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn trong thời gian dài, gây khó khăn cho công tác điều tra giải quyết vụ án.

Về vai trò của bị cáo trong vụ án. Trần Xuân H với tư cách là đại diện của Công ty Quyết Thắng, là người quyết định toàn bộ hoạt động của Công ty cũng như cách thức thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có vai trò chính trong vụ án, nên phải chịu trách nhiệm cao nhất trong nhóm các đối tượng khác có hành vi giúp sức cho bị cáo (đã được xét xử trong vụ án đã có hiệu lực thi hành). Bị cáo Trần Xuân H thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên khi lượng hình cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân H, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, là người trên 70 tuổi, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ. Không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo. Bởi vì tài sản của bị cáo được thu hồi trả lại cho các bị hại, không thuộc trường hợp bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174; 175 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy bị cáo đã ngoài 70 tuổi, có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại Bản án sơ thẩm số 85/HSST ngày 21/01/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 908/HSPT từ ngày 03 đến 07/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về Xử lý vật chứng: Không thu giữ, nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H: tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H: 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Xuân H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù Chung thân. Tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/4/2021.

[2] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Xuân H nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Luật sư; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có QL & NV liên quan; (11)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại; (33)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (57) (3)

Lê Công Huân